

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2018

V/v Ly hôn & cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Từ Văn Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Minh Chiến

2/ Ông Hồ Xuân Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 68/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2017 về việc “Ly hôn và cấp dưỡng nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị N** sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 2, thôn T D, xã Nh A, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Anh **Ngô Văn Ch**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 201 Tôn Thất Tùng, P. Nh H, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.\

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Ngô Thị Tuyết D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số nhà 201 Tôn Thất Tùng, P. Nh H, TX An Nhơn, Bình Định

(Tất cả đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017, bản tự khai ngày 30/11/2017 và các biên bản tiếp theo Nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:***

Qua một thời gian tìm hiểu chị và anh Ngô Văn Ch tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 1987, do không hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chị được cha mẹ chồng cho đất tự xây cất nhà và sống cho đến ngày hôm nay. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân anh Ch là người chồng vũ phu, không có trách nhiệm với gia đình, sống

không chung thủy với vợ con. Ngang nhiên sống chung với người phụ nữ khác và đã có một người con. Vậy mà mỗi khi chị về nhà anh Ch luôn tìm cách đánh đập chị tàn nhẫn dùng nhiều lời lẽ sỉ nhục chị, hăm dọa giết chết chị và sẵn sàng vào tù. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Ch nữa nên xin được ly hôn.

Vợ chồng có 3 người con chung là Ngô Minh Tr, sinh ngày 20/10/1989 đã lập gia đình; Ngô Thị Hồng D, sinh ngày 22/5/1991 đã lập gia đình và Ngô Thị Tuyết D sinh ngày 25/4/1997 bị đau bệnh không có nghề nghiệp, chị đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết D, yêu cầu anh Ch cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 13/12/2017 biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2017 và các biên bản tiếp theo bị đơn anh Ngô Văn Ch trình bày:

Anh và chị Lê Thị N tự tìm hiểu nhau thời gian khoảng 1 năm có tổ chức lễ cưới tại địa phương vào ngày 01/07/1987 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại cha mẹ anh tại khu vực Ph A, P. Nh H, TX An Nhơn, Bình Định. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2013 cháu Tuyết D phát bệnh u não, vì lý do kinh phí chữa trị, công việc bấp bênh, túng thiếu tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng sút mẻ. Năm 2015 bệnh của Tuyết D thuyên giảm nhưng vợ chồng không thể sống chung, hơn nữa ở quê không có việc làm nên chị N đã vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, một năm chỉ về một lần. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay N xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Vợ chồng có 3 người con chung là Ngô Minh Tr, sinh ngày 20/10/1989; và Ngô Thị Hồng D, sinh ngày 22/5/1991 (Tr và Hồng D đã lập gia đình riêng) còn Ngô Thị Tuyết D sinh ngày 25/4/1997 bị bệnh u não không có việc làm và không có thu nhập để nuôi sống bản thân. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuyết D và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Ngô Thị Tuyết D trình bày:

Cháu là con út của Lê Thị N và Ngô Văn Ch. Cháu bị bệnh u não không thể tự lao động, không tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Hàng tháng mẹ N và anh Ngô Minh Tr gửi tiền về để nuôi cháu. Ba Ch lâu lâu mới gởi cho 50.000đ đến 100.000đ. Khi cha mẹ ly hôn nhau cháu xin được ở với mẹ.

****Phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên Tòa:***

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ Hôn nhân: Căn cứ vào các Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Ngô Văn Ch.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Tuyết D cho chị Lê Thị N chăm sóc.

Công nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn Ch cấp dưỡng cho cháu Tuyết D mỗi tháng 500.000đ

+ Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xét.

+ Đề nghị Tòa buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự

[2] Về hôn nhân:

Chị Lê Thị N và anh Ngô Văn Ch tự tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới tại địa phương vào ngày 01/07/1987 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh từ khi cháu Ngô Thị Tuyết D bị bệnh u não và hai người sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Ngày 27/12/2017 chị N và anh Ch thuận tình ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì chị N và anh Ch phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn từ ngày luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực đến ngày 01/01/2003. Tuy nhiên cho đến trước phát sinh mâu thuẫn hai anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do vậy theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 pháp luật không công nhận quan hệ giữa anh chị trong thời gian qua là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 3 người con chung là Ngô Minh Tr, sinh ngày 20/10/1989 Ngô Thị Hồng D, sinh ngày 22/5/1991 và Ngô Thị Tuyết D sinh ngày 25/4/1997. Cháu Ngô Minh Tr và Ngô Thị Hồng D đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Còn

cháu Ngô Thị Tuyết D sinh ngày 25/4/1997 đã trưởng thành nhưng bị bệnh u não không có việc làm và không có thu nhập để nuôi sống bản thân nên rất cần sự cấp dưỡng của cha mẹ theo Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình.

Theo sự thỏa thuận giữa chị N và anh Ch phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyết D nên tiếp tục giao cháu Tuyết D cho chị N chăm sóc cho đến khi tự lao động được và có thu nhập nuôi sống bản thân.

Công nhận sự tự nguyện của anh Ch cấp dưỡng cho cháu Tuyết D mỗi tháng là 500.000đ

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị N và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xét

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 81, Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị N và anh Ngô Văn Ch trong thời gian qua là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Ngô Thị Tuyết D cho chị Lê Thị N tiếp tục chăm sóc cho đến khi tự lao động được và có thu nhập nuôi sống bản thân.

Công nhận sự tự nguyện của anh Ch cấp dưỡng cho cháu Tuyết D mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng)

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xét.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008475 ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Ngô Văn Ch phải chịu 150.000đ (Một trăm năm chục nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND thị xã An Nhơn
- THADS thị xã An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu

**TM Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Từ Văn Thiết